

BAN TỔ CHỨC - CÁN
BỘ CHÍNH PHỦ
Số: 39/2000/TT-
BTCCBCP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 19 tháng 6 năm 2000

THÔNG TƯ

Hướng dẫn việc xếp lương

khi bổ nhiệm vào ngạch đối với công chức

đạt kỳ thi nâng ngạch

Thi hành Nghị định số 95/1998/NĐ-CP ngày 17/11/1998 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ hướng dẫn việc xếp lương khi bổ nhiệm vào ngạch đối với công chức đạt kỳ thi nâng ngạch như sau:

I- QUY ĐỊNH CHUNG

- Việc xếp lương quy định tại Thông tư này áp dụng cho công chức đạt kỳ thi nâng ngạch nhân viên lên ngạch cán sự; ngạch nhân viên, cán sự lên ngạch chuyên viên; ngạch chuyên viên lên ngạch chuyên viên chính; ngạch chuyên viên chính lên ngạch chuyên viên cao cấp và các ngạch tương đương khác.
- Ngạch tương đương quy định tại điểm 1 Thông tư này là ngạch có cùng yêu cầu trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn nghiệp vụ của ngạch công chức và có hệ số lương ở bậc khởi điểm của từng ngạch xấp xỉ nhau (có phụ lục kèm theo).
- Việc phân loại kết quả thi nâng ngạch không làm căn cứ để xếp lương.
- Khi xếp lương vào ngạch mới đối với công chức đạt kỳ thi nâng ngạch không được kết hợp với việc nâng bậc lương.
- Thời gian hưởng mức lương ở ngạch mới đối với công chức được tính từ khi cấp có thẩm quyền ra quyết định bổ nhiệm vào ngạch và xếp hệ số lương mới.

II- QUY ĐỊNH XẾP LƯƠNG VÀ THỜI GIAN TÍNH NÂNG

BẬC LƯƠNG CÔNG CHỨC SAU KHI ĐẠT KỲ THI NÂNG NGẠCH

1- Trường hợp người được xếp lương có hệ số lương cũ thấp hơn hệ số lương khởi điểm của ngạch được bổ nhiệm thì xếp vào bậc khởi điểm của ngạch đó; thời gian tính nâng bậc lương lần sau kể từ khi có quyết định xếp hệ số lương mới.

Ví dụ: Ông Nguyễn Văn A hiện đang ở ngạch nhân viên phục vụ (mã số 01.009), hệ số lương 1,36 từ ngày 01/2/1999. Ông A thi nâng ngạch nhân viên phục vụ lên ngạch cán sự đạt yêu cầu được bổ nhiệm vào ngạch cán sự (mã số 01.004), xếp hệ số lương 1,46. Thời điểm ký quyết định xếp lương mới là ngày 01/10/1999, do đó thời gian để nâng bậc lần sau tính từ ngày 01/10/1999.

Ví dụ 2: Bà Trần Thị B hiện đang ở ngạch chuyên viên (mã số 01.003), hệ số lương 3,06 từ ngày 01/5/1997. Bà B thi nâng ngạch chuyên viên lên ngạch chuyên viên chính đạt yêu cầu được bổ nhiệm vào ngạch chuyên viên chính (mã số 01.002), xếp hệ số lương 3,35. Thời điểm ký quyết định xếp lương vào ngạch chuyên viên chính là ngày 01/12/1999, do đó thời gian để nâng bậc lần sau tính từ ngày 01/12/1999.

Ví dụ 3: Ông Hoàng Văn C hiện đang ở ngạch thanh tra viên chính (mã số 04.024), hệ số lương 4,57 từ ngày 01/02/1997. Ông C thi nâng ngạch thanh tra viên chính lên ngạch thanh tra viên cao cấp đạt yêu cầu được bổ nhiệm vào ngạch thanh tra viên cao cấp (mã số 04.023), xếp hệ số lương 4,92. Thời điểm ký quyết định xếp lương vào ngạch thanh tra viên cao cấp là ngày 01/12/1999, do đó thời gian để nâng bậc lương lần sau tính từ ngày 01/12/1999.

2- Trường hợp người được xếp lương có hệ số lương cũ xấp xỉ (nhỏ hơn hoặc lớn hơn) so với hệ số lương của bậc ở ngạch được bổ nhiệm thì xếp vào hệ số lương tương đương của ngạch đó. Việc xác định thời gian để tính nâng bậc lương được thực hiện như sau:

2.1- Nếu chênh lệch của hệ số lương ở ngạch được bổ nhiệm so với hệ số lương ở ngạch cũ nhỏ hơn 70% của phần chênh lệch giữa 2 bậc liên kế của ngạch cũ thì thời gian tính nâng bậc lương lần sau kể từ khi hưởng hệ số lương ở ngạch cũ.

Ví dụ 4: Ông Lê Văn Đ hiện đang ở ngạch nhân viên kỹ thuật cơ quan (mã số 01.007), hệ số lương 2,12 từ ngày 01/8/1998. Ông Đ thi nâng ngạch nhân viên kỹ thuật cơ quan lên ngạch cán sự đạt yêu cầu được bổ nhiệm vào ngạch cán sự (mã

số 01.004), xếp hệ số lương 2,18 từ ngày 01/12/1999. Chênh lệch giữa hệ số lương mới (2,18) ở ngạch cán sự so với hệ số lương ở ngạch cũ (2,12) là $2,18 - 2,12 = 0,06$. Chênh lệch giữa hai bậc liền kề của ngạch nhân viên kỹ thuật cơ quan là 0,125 (tính bình quân). Như vậy so sánh 2 hiệu số trên với nhau: $0,06/0,125 = 48\%$ nhỏ hơn 70% theo quy định. Vì vậy thời gian nâng bậc lương lần sau của ông Đ tính từ ngày 01/8/1998.

Ví dụ 5: Bà Nguyễn Thị E hiện đang ở ngạch nghiên cứu viên (mã số 13.092), hệ số lương 3,31 từ ngày 01/5/1998. Bà E thi nâng ngạch nghiên cứu viên lên ngạch nghiên cứu viên chính đạt yêu cầu được bổ nhiệm vào ngạch nghiên cứu viên chính (mã số 13.091), xếp hệ số lương 3,35 từ ngày 01/2/2000. Chênh lệch giữa hệ số lương mới (3,35) ở ngạch nghiên cứu viên chính so với hệ số lương cũ (3,31) là $3,35 - 3,31 = 0,04$. Chênh lệch giữa hai bậc liền kề của ngạch nghiên cứu viên là 0,244 (tính bình quân). Như vậy so sánh 2 hiệu số trên với nhau: $0,04/0,244 = 16\%$ nhỏ hơn 70% theo quy định. Vì vậy thời gian tính nâng bậc lương lần sau của bà E từ ngày 01/5/1998.

Ví dụ 6: Ông Vũ Văn G hiện đang ở ngạch kỹ sư chính (mã số 13.094), hệ số lương 4,94 từ ngày 01/8/1998. Ông G thi nâng ngạch kỹ sư chính lên ngạch kỹ sư cao cấp đạt yêu cầu được bổ nhiệm vào ngạch kỹ sư cao cấp (mã số 13.093), xếp hệ số lương 4,92. Thời gian tính nâng bậc lương lần sau của ông G từ ngày 01/8/1998.

2.2. Nếu chênh lệch của hệ số lương ở ngạch được bổ nhiệm so với hệ số lương ở ngạch cũ từ 70% trở lên của phần chênh lệch giữa 2 bậc liền kề của ngạch cũ thì thời gian tính nâng bậc lương lần sau kể từ khi có quyết định xếp lương mới.

Ví dụ 7: Ông Phạm Văn H hiện đang ở ngạch thủ quỹ kho bạc (mã số 06.034), hệ số lương 2,48 từ ngày 1/2/1999. Ông H thi nâng ngạch thủ quỹ kho bạc lên ngạch kế toán viên trung cấp đạt yêu cầu được bổ nhiệm vào ngạch kế toán viên trung cấp (mã số 06.032), xếp hệ số lương 2,55 từ ngày 01/02/2000. Chênh lệch giữa hệ số lương mới (2,55) ở ngạch kế toán viên trung cấp so với hệ số lương cũ (2,48) là $2,55 - 2,48 = 0,07$. Chênh lệch giữa hai bậc liền kề của ngạch thủ quỹ kho bạc là 0,09.

Như vậy so sánh 2 hiệu số trên với nhau: $0,07/0,09 = 77,7\%$ lớn hơn 70% theo quy định. Vì vậy thời gian nâng bậc lương lần sau của ông H tính từ ngày 01/02/2000.

3- Trường hợp người được xếp lương có hệ số lương ở bậc cuối cùng của ngạch cũ có thời gian giữ bậc tính đến khi được bổ nhiệm vào ngạch mới đúng bằng hoặc lớn hơn thời gian quy định xét nâng bậc lương (đủ 36 tháng đối với các ngạch thâm niên nâng bậc 3 năm hoặc đủ 24 tháng đối với các ngạch thâm niên nâng bậc 2 năm) thì được xếp lên 1 bậc liền kề trên của ngạch được bổ nhiệm. Thời gian nâng bậc lương lần sau tính từ khi có quyết định bổ nhiệm vào ngạch mới.

Đối với công chức có hệ số lương ở bậc cuối cùng của ngạch cũ mà thâm niên quy định nâng bậc 2 năm thì đạt yêu cầu lên ngạch có thâm niên nâng bậc 3 năm thì xếp vào hệ số lương tương đương liền kề trên với hệ số lương ở ngạch cũ. Thời gian xét nâng bậc lương lần sau tính từ khi có quyết định xếp lương mới.

Ví dụ 8: Bà Nguyễn Thị N hiện đang ở ngạch thanh tra viên (mã số 04.025), hệ số lương 4,21 từ ngày 01/5/1996. Bà N thi nâng ngạch thanh tra viên lên ngạch thanh tra viên chính đạt yêu cầu được bổ nhiệm vào ngạch thanh tra viên chính (mã số 04.024) từ ngày 01/02/2000. Bà N có thời gian giữ bậc cuối của ngạch thanh tra viên được 3 năm và 9 tháng, vì vậy bà N được xếp hệ số 4,57. Thời gian nâng bậc lương lần sau của bà N tính từ ngày 01/02/2000.

Ví dụ 9: Ông Nguyễn Văn P hiện đang ở ngạch chuyên viên chính (mã số 01.002), hệ số lương 5,6 từ ngày 01/9/1995. Ông P thi nâng ngạch chuyên viên chính lên ngạch chuyên viên cao cấp đạt yêu cầu được bổ nhiệm vào ngạch chuyên viên cao cấp (mã số 01.001) từ ngày 01/4/2000. Ông P có thời gian giữ bậc cuối của ngạch chuyên viên chính được 4 năm và 7 tháng, vì vậy ông P được xếp hệ số 6,26. Thời gian nâng bậc lương lần sau của ông P tính từ ngày 01/4/2000.

Ví dụ 10: Ông Trần Anh T hiện đang giữ ngạch cán sự (mã số 01.004) hệ số lương 3,33 từ ngày 01/3/1997. Ông T thi nâng ngạch cán sự lên ngạch chuyên viên đạt yêu cầu được bổ nhiệm vào ngạch chuyên viên (mã số 01.003) và xếp hệ số lương 3,56 từ ngày 01/5/2000. Thời gian xét nâng bậc lương của ông T tính từ ngày 01/5/2000.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN